

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2022, NĂM 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQHĐND ngày 28/2/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn dự phòng đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn (đầu tư phát triển, sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn dự phòng đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch và giao dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2022, năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2022.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 373/TTr-STC ngày 24/10/2023 về việc điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2022, năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2022, năm 2023 được giao tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 28/02/2023, Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/7/2023; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, cụ thể:

1.1. Dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 đã phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 6.830.800 nghìn đồng, trong đó:

- Nội dung thành phần số 01: 1.161.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 02: 2.070.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 03: 1.499.800 nghìn đồng.

- Nội dung thành phần số 07: 550.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 11: 1.550.000 nghìn đồng.

1.2. Dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 sau điều chỉnh: 6.830.800 nghìn đồng, trong đó:

- Nội dung thành phần số 01: 903.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 02: 2.270.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 03: 199.800 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 05: 52.930 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 07: 1.838.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 08: 350.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 11: 1.217.070 nghìn đồng.

2. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, cụ thể:

2.1. Dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 đã phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 và Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 7.231.000 nghìn đồng, trong đó:

- Nội dung thành phần số 02: 1.000.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 03: 1.914.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 07: 3.470.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 11: 847.000 nghìn đồng.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

2.2. Dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 sau điều chỉnh: 7.231.000 nghìn đồng, trong đó:

- Nội dung thành phần số 02: 1.390.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 03: 1.814.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 05: 1.150.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 07: 2.030.000 nghìn đồng.
- Nội dung thành phần số 11: 847.000 nghìn đồng.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này, thực hiện theo đúng Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 28/02/2023, Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/7/2023; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; và các Quyết định giao vốn đã ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, năm 2023 được giao tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước; định kỳ (*tháng, quý, năm*) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình, kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ và dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, năm 2023; hàng quý tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Tuyên Quang tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn giao tại Quyết định này theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và DT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4 (thực hiện);
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu VT. (Hòa)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

